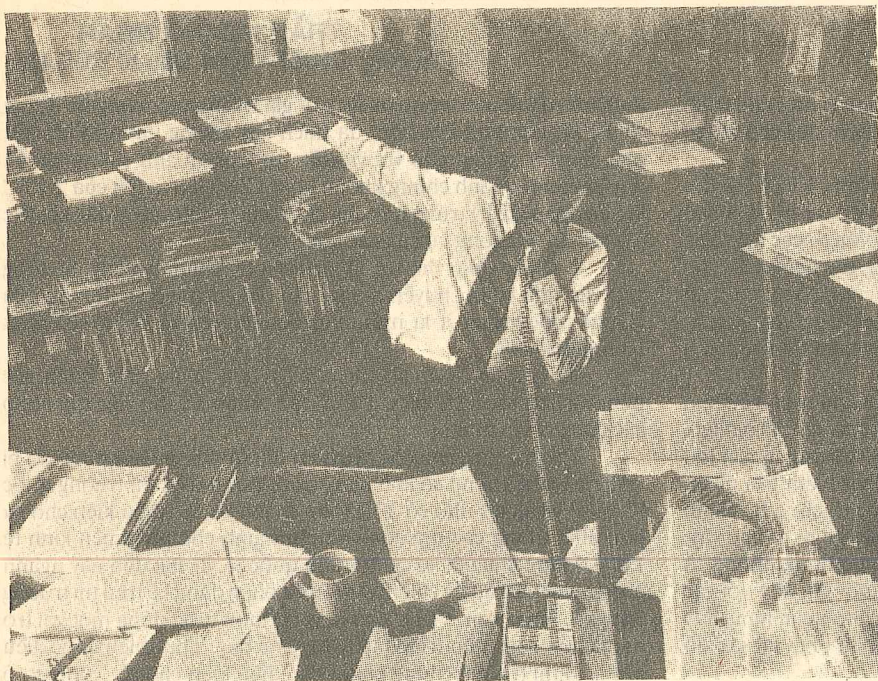


XÍ NGHIỆP QUỐC DOANH: GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG



Chủ đề giám sát và đánh giá kết quả hoạt động của các xí nghiệp quốc doanh đã được chú ý đến nhiều từ khi thể chế thứ hai kết thúc, đặc biệt là do có sự phát triển nhanh chóng của các xí nghiệp quốc doanh ở các nước đang phát triển. Cơ sở lý luận để giám sát các xí nghiệp quốc doanh đã được đề cập trong một số công trình nghiên cứu và điều tra về tiến trình quốc hữu hóa ở Vương quốc Anh trong những năm 50. Từ đó người ta đã đưa ra nhiều ý tưởng. Người ta tin rằng trong tình hình hiện nay ở Việt Nam, nơi mà các xí nghiệp quốc doanh đã được tách ra khỏi ngân sách và được trao cho nhiều quyền tự do hơn trong công tác quản lý xí nghiệp, thì việc xem xét những vấn đề có liên quan đến chủ đề này có lẽ sẽ hữu ích đối với các nhà chức trách của Việt Nam.

1. Những mục tiêu đa dạng của các xí nghiệp quốc doanh

Nếu chỉ đơn thuần đánh giá hoạt động của các xí nghiệp quốc doanh trên cơ sở các mục tiêu kinh doanh thì đó sẽ là điều không thực tế, bởi vì những xí nghiệp này đã được các chính phủ thành lập với mục đích chủ yếu là nhằm đạt được những mục tiêu kinh tế và xã hội nhất định như:

a. Phát triển những ngành kinh tế trong đó khu vực xí nghiệp tư nhân không sẵn sàng đầu tư do có rủi ro và đòi hỏi vốn

đầu tư lớn, ví dụ như phát triển kết cấu hạ tầng;

b. Tạo công ăn việc làm và qua đó góp phần ổn định xã hội;

c. Khuyến khích phát triển các nguồn lực địa phương và tiết kiệm ngoại tệ;

d. Gánh vác vai trò của một nhà đầu tư khi khu vực tư nhân không có đủ vốn và công nghệ thích hợp để thực hiện các công trình phát triển có tính chất cấp bách - điều này hết sức đúng đối với các nước mới được độc lập. Theo một ý nghĩa nào đó, thì các xí nghiệp quốc doanh cũng góp phần thúc đẩy các xí nghiệp tư nhân.

2. Phạm vi giám sát

Khi xét đến các mục tiêu đa dạng nói trên, người ta thấy phạm vi đánh giá kết quả hoạt động của các xí nghiệp quốc doanh phải bao trùm một lĩnh vực rộng lớn hơn nếu so với những xí nghiệp tư nhân đơn thuần. Những lĩnh vực sau đây có thể là những "lĩnh vực" chủ yếu trong kết quả hoạt động mà chúng ta cần giám sát:

- Hiệu quả về mặt tài chính, tức là khả năng kiếm được lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh;

- Hiệu quả của sản xuất;

- Chất lượng phục vụ;

- Hiệu quả về mặt quản lý vĩ mô;

- Tác động về kinh tế xã hội.

P.W.M WIJAYASURIYA
(Cố vấn Quĩ Tiền tệ quốc

Các phương diện quản lý vĩ mô thể bao gồm những vấn đề sau:

- Đóng góp vào thu nhập quốc dân
- Đóng góp vào đầu tư quốc dân, là hình thành tư bản;
- Ảnh hưởng đối với ngân sách nước;

- Tác động đối với hệ thống tài chính

Tác động về kinh tế và xã hội phải được đánh giá trên cơ sở định hằng hạn năm năm một lần. Những quả đánh giá này có thể được tiến hành trên cơ sở lựa chọn, bao gồm các ngành trong mọi khu vực kinh tế.

3. Cơ sở thông tin

Cơ sở của một hệ thống đánh giá giám sát tốt là một hệ thống thông tin đầy đủ và hoàn chỉnh, bao hàm cả các khía cạnh tài chính và hiện vật. Trong tình hình công tác kế toán đóng vai trò then chốt. Tuy nhiên, phương pháp kế toán truyền thống nhằm phục vụ chủ yếu cho nhu cầu có tính chất luật lệ không thích cho mục đích này. Các hệ thống phân số liệu cần phải cung cấp những số liệu thiết cho việc đánh giá hoạt động và kế hoạch kinh tế. Vấn đề không phải là khối lượng các chi tiết mà là vấn đề sắp xếp chúng thành những phạm trù có cơ sở lý luận.

Hầu hết các nước đang phát triển phải đối phó với những khó khăn này trong quá trình xây dựng các hệ thống thông tin đáp ứng được yêu cầu đề ra. Sở dĩ có hình đó, một phần là do tình trạng thiếu hiểu biết ở các cấp quản lý cao hơn về quan trọng của nhiệm vụ này. Do vậy số liệu được cung cấp thường là không đầy đủ và việc cung cấp thông tin bị chậm trễ.

4. Cơ cấu tổ chức

a. Trong nội bộ chính phủ

Hầu hết các nước đều có một phạm vi hay một vụ trong Bộ Tài chính trách nhiệm giám sát những hoạt động của các xí nghiệp quốc doanh. Ấn Độ có phòng xí nghiệp quốc doanh (Bureau of State Enterprises) được tổ chức tương tự. Sri Lanka có Vụ Xí nghiệp quốc gia (Division of Public Enterprises) thuộc Bộ Tài chính. Indonesia cũng có cơ quan tương tự. Những cơ quan này xây dựng được một cơ sở dữ liệu về các xí nghiệp quốc doanh.

b. Kiểm toán độc lập

Ở nhiều nước, các kiểm toán viên độc gia chịu trách nhiệm báo cáo trước cơ quan lập pháp thực hiện một số hoạt động kiểm toán về kết quả hoạt động của các xí nghiệp quốc doanh trên cơ sở điều tra điển hình. Những người này nhận được sự quan tâm của các ủy ban kế toán nhà nước nhằm nâng cao các cơ quan lập pháp.

Điều tốt nhất là các cơ quan chịu trách nhiệm giám sát và đánh giá hoạt động của các xí nghiệp quốc doanh phải có mức độ độc lập nhất định để họ có thể đưa ra ứng đánh giá khách quan và vô tư về hoạt động của các xí nghiệp này. Không nên coi họ như là phương tiện để "kiểm tra" các xí nghiệp quốc doanh. Họ sẽ có vai trò cao hơn là vai trò tư vấn trong việc trợ cho các xí nghiệp quốc doanh cải tiến công tác quản lý của họ và giúp chính phủ công việc hoạch định chính sách. Họ không nên can thiệp vào công việc hàng ngày của các xí nghiệp.

5. Những yêu cầu về nhân lực

Cần phải nhấn mạnh đến yêu cầu phải có đội ngũ cán bộ có năng lực và được đào tạo. Các kiến thức cần thiết là kế toán, kinh tế, thống kê và các môn kỹ thuật có liên quan.

6. Khuôn khổ pháp lý - Chế độ trách nhiệm của các xí nghiệp quốc doanh

Quyền tự chủ dành cho các xí nghiệp quốc doanh phải được lý giải trong khuôn khổ những mục tiêu chính sách chung của chính phủ có liên quan đến các xí nghiệp này. Do đó, mỗi xí nghiệp phải chịu trách nhiệm trước cơ quan lập pháp và chính phủ công việc thực hiện các nghĩa vụ của nó. Vì thế, quyền tự chủ không có nghĩa là từ bỏ chế độ trách nhiệm. Trong hoàn cảnh này, thì ngay cả các xí nghiệp tư nhân cũng phải chịu trách nhiệm và nghĩa vụ của họ được xác định trong các đạo luật tương ứng. Cho nên một số nước đã ban hành đạo luật riêng về chế độ trách nhiệm của các xí nghiệp quốc doanh, ví dụ như Papua New Guinea, Sri Lanka cũng có một đạo luật rất gọn gàng. Một đạo luật như thế có thể đề cập đến một số vấn đề như sau:

- Cơ cấu tư bản,
- Khả năng vay nợ,
- Đầu tư các khoản vốn dôi ra,
- Các khoản dự trữ nội bộ,
- Hình thức và nội dung của ngân sách, hạch toán, báo cáo hàng năm,
- Kiểm toán độc lập.

PWMW

(Tài liệu phổ biến trong Hội nghị về Kinh tế Việt Nam, tổ chức tại Hà Nội, tháng 4.1992)



VẤN ĐỀ PHÂN ĐỊNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH

PHAN HỒNG TÂM
(Ban Kinh tế Thành ủy)

Chủ trương tiếp tục phân định rõ quản lý nhà nước về kinh tế và quản lý kinh doanh đã được ghi rõ trong NQ đại hội Đảng lần thứ 7. Đó cũng chính là vấn đề bức xúc để có thể đi đến thực hiện sự bình đẳng trong cơ chế kinh tế nhiều thành phần. Nhưng cho đến nay việc thực hiện chủ trương đó còn lúng túng và chậm chạp. Cần phải tìm hiểu rõ căn nguyên để có cách giải quyết đúng. Theo tôi có những lý do sau đây đã làm cho việc đẩy mạnh thực hiện chủ trương trên bị chậm lại:

- Trước hết là chưa có đủ bộ luật (như luật kinh doanh, luật phá sản, luật sử dụng tài nguyên...) do đó chưa có đủ căn cứ để quản lý các hoạt động kinh tế của tất cả các thành phần.

- Cán bộ quản lý nhà nước chưa được đào tạo đầy đủ và đồng bộ để đáp ứng yêu cầu quản lý một nền kinh tế nhiều thành phần.

- Kinh tế quốc doanh chưa đủ mạnh, hay nói cách khác chưa quen với vai trò chủ đạo trong nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN.

Tất cả những vấn đề trên đều yêu cầu phải có thời gian và có các biện pháp giải quyết tích cực.

Do việc tách hai chức năng này chưa được rõ ràng nên bộ máy hành chính của các cấp còn chồng chéo, tốn kém ngân sách nhà nước và có phần buông lỏng chức năng quản lý nhà nước vì phải đầu tư vào việc quản lý kinh doanh, can thiệp sâu vào các hoạt động kinh doanh của các cơ sở trực thuộc. Từ đó dẫn đến tình trạng các đơn vị kinh tế quốc doanh không phát huy tốt vai trò chủ động kinh doanh theo quỹ định của pháp luật, mà lại lại vào cơ quan chủ quản.

Cũng từ sự nhập nhằng giữa hai chức năng này nên việc xử lý trách nhiệm đối với các tổn thất tài sản XHCN và gây hậu quả cho xã hội chưa được thực hiện đến nơi đến chốn.

Nhưng phải thấy rằng trong quá trình chuyển sang cơ chế thị trường cũng cần có bước quá độ.

PHT.

CÁO LỖI

Trong tạp chí PTKT số 20 (tháng 6.92) vì sơ sót kỹ thuật, bài *Thế nào là xí nghiệp nhỏ* (trang 12) đã in sót một đoạn cuối như sau:

quá cao của khoa học kỹ thuật và việc áp dụng tự động hoá trong sản xuất và quản trị, một xí nghiệp có thể có số vốn khổng lồ nhưng chỉ có số lượng công nhân 5-7 người; ngược lại có những xí nghiệp hoạt động trong ngành tiểu thủ công nghiệp, ngành may tre lá chẳng hạn, số công nhân có thể lên đến 2-300 người nhưng vẫn chỉ là xí nghiệp nhỏ vì vốn liếng rất nhỏ bé. Doanh thu và thu nhập của xí nghiệp cũng thấp.

Xin thành thật cáo lỗi cùng bạn đọc và tác giả Nguyễn Đình Quế.

Số báo này, vì cần dành trang cho chuyên đề Phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, nên một số trang mục xin được gác lại và sẽ tiếp tục ở số sau.

PTKT.